

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC MÊ  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST

Ngày 19 - 5 - 2022

**NHÂN DẠH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Thư.

Ông Vũ Đức KhA.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang:** Ông Ngô QuA Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2022/TLST-HS ngày 29/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

- **Bị cáo: Nông Văn H;** tên gọi khác: Không; sinh năm 1981; nơi sinh: huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Quốc L, sinh năm 1952 (đã chết) và con bà: Khẩu Thị M, sinh năm 1955; có 05 A, chị em ruột, bị cáo là con thứ tư trong gian đình; có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đA áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- **Bị cáo: Khẩu Văn A;** tên gọi khác: Không; sinh năm 1984; nơi sinh: huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Khẩu Văn L, sinh năm 1961 và con bà: Lã Thị D, sinh năm 1958; có 05 A, chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gian đình; có vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 và có 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đA áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- **Bị cáo: Nguyễn Văn C;** tên gọi khác: Không; sinh năm 1990; nơi sinh: huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân T, sinh

năm 1961 và con bà: TAg Thị N, sinh năm 1962; có 02 Ah em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gian đình; có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 và có 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đAg áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- *Bị cáo: Lý Văn Đ*; tên gọi khác: Không; sinh năm 1992; nơi sinh: huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn S, sinh năm 1966 và con bà: Lý Thị H, sinh năm 1969; có 05 Ah, chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gian đình; có vợ: Bông Thị C, sinh năm 1992 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang xử phạt 36 tháng tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đAg áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- *Bị cáo: Dền Văn L*; tên gọi khác: Không; sinh năm 1989; nơi sinh: huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dền Văn T, sinh năm 1967 và con bà: Đặng Thị V, sinh năm 1970; có 03 Ah, chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gian đình; có vợ: Bàn Thị T, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đAg áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

*Nguyên đơn dân sự:* Ủy bA nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang; người đại diện ông Triệu Đức Q - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã L (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào giữa tháng 10 năm 2021, Nông Văn H trú tại: Thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang có đến chơi nhà Nguyễn Văn C (*em rể của H*) tại Thôn B, xã Y, huyện B, trong lúc ăn cơm C có hỏi H là khu vực rừng thuộc thôn Hạ Sơn có cây gỗ nghiêng để làm thớt không thì H cho biết là còn có cây gỗ nghiêng nhưng không biết có xẻ làm thớt được không, phải lên rừng xem mới biết được. Khoảng 05 ngày sau, C đến nhà H rủ lên rừng xem cây và H có rủ thêm Khấu Văn A đi cùng. Khoảng 09 giờ sáng cả ba cùng đi lên khu rừng Thôn H, xã L, huyện Bắc Mê và đến nơi khoảng 14 giờ chiều thì phát hiện 01 cây gỗ nghiêng có đường kính khoảng 1m, dài khoảng 20m đã bị cắt đổ nhưng chưa khai thác, sau khi kiểm tra xong thì ba người đi về nhà. Sau đó C có gặp Lý Văn Đ và Dền Văn L, khi nói chuyện C có nói đến việc lên Thôn H, xã L để tìm cây gỗ nghiêng xẻ làm thớt bán và rủ tham gian thì L, Đ đồng ý. Sau đó C mua 10 lít xăng đựng trong 01 cA màu trắng và 05 lít nhớt đựng trong 01 cA màu vàng mAg về nhà. Vài ngày sau C gọi điện thông báo cho H và L chuẩn bị để hôm sau lên rừng xẻ thớt.

Sáng hôm sau năm người gặp mặt tại quán tạp hóa thuộc Thôn H, xã L rồi cùng nhau đi lên vị trí phát hiện cây gỗ nghiêng đổ từ trước. Khoảng 14 giờ chiều cùng ngày thì đến nơi, tại đây H tìm chỗ để đồ đạc, nấu cơm và ngủ qua đêm, còn C, A, Đ, L đi xem cây gỗ nghiêng đã bị người khác chặt đổ từ trước. Khi đến gốc cây gỗ nghiêng sau khi quA sát Đ lấy máy cưa của L cắt một khúc dài khoảng 04m để xem cây gỗ có làm được thớt không, sau khi cắt thấy khúc gỗ xẻ làm thớt được thì quay về vị trí chỗ H để ăn cơm và nghỉ ngơi.

Đến sáng hôm sau cả 05 người cùng nhau xẻ khúc gỗ đã cắt từ hôm trước để làm thớt, H và C kê đá, vận chuyển thớt ra vị trí tập kết, Đ dùng máy cưa cắt gỗ thành từng cục có kích thước dài khoảng 20cm, còn L và A dùng máy cưa thay phiên nhau cắt vo tròn thành thớt, sau một ngày làm việc các đối tượng đã khai thác được 25 cục gỗ dạng thớt rồi về nghỉ ngơi. Đến sáng hôm sau tiếp tục cắt và khai thác thêm một khúc gỗ về phía ngọn được 20 cục thớt do hết xăng, dầu nhớt nên các đối tượng đi về nhà. Tổng số gỗ khai thác được là 45 cục thớt (*kích thước dày 20cm, rộng 45cm*), chia đều nhau mỗi người 09 cục thớt, đối với H và A đã vận chuyển về bán cho một người đàn ông không quen biết, để lấy tiền tiêu xài, còn phần của C, Đ, L vẫn để nguyên tại vị trí tập kết do chưa bán được và đường vận chuyển khó khăn.

Ngày 10/12/2021 Cơ quA CSĐT Công an huyện Bắc Mê phối hợp với các ngành chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định vị trí 01 cây gỗ nghiêng do Nông Văn H, Khẩu Văn A, Nguyễn Văn C, Lý Văn Đ, và Dẩn Văn L khai thác tại Thôn H, xã L, huyện B thuộc lô 15, khoảnh 16, tiểu khu 142B; Đối tượng rừng: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do UBND xã L, huyện Bắc Mê quản lý có tổng khối lượng gỗ là 44,210 m<sup>3</sup>; trong đó phần gỗ do các đối tượng khai thác là 12,01m<sup>3</sup>, gỗ còn lại tại hiện trường là 39,426m<sup>3</sup> và đã tạm giao cho UBND xã L quản lý.

Tại bản kết luận giám định số 659-2/CNR-VP ngày 20/12/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng kết luận 01 (một) mẫu gỗ gửi giám định ký hiệu K1 tên và nhóm gỗ cụ thể như sau: Tên Việt Nam: Nghiến; Tên khoa học: *Excentrodendron tonkinense*. Loài Nghiến được xếp nhóm IIA trong “DAh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm bA hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTSTTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Mê kết luận tổng giá trị 01 (một) cây gỗ nghiến, nhóm IIA có khối lượng là 44,210m<sup>3</sup> có giá trị là 439.140.300 đồng (*Bốn trăm ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi nghìn ba trăm đồng*) trong đó phần gỗ do các đối tượng khai thác là 12,01m<sup>3</sup>, có giá trị là 122.502.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm linh hai nghìn đồng*); số gỗ đã bị khai thác hoàn toàn là 4,785m<sup>3</sup>, có giá trị là 48.807.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng*).

Ngày 20/01/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê ra quyết định khởi tố bị cáo đối với Nông Văn H, Khấu Văn A, Nguyễn Văn C, Lý Văn Đ, Dăn Văn L về tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 BLHS.

**Tag vật thu giữ gồm:** 01 cây gỗ nghiến nhóm IIA còn lại hiện trường 39,426m<sup>3</sup> hiện đang tạm giao cho UBND xã L, huyện B quản lý; 01 máy cưa xăng màu cam, ký hiệu LWA 112dB, kèm lam và xích dài 80 cm, máy cũ đã qua sử dụng; 01 máy cưa xăng màu cam, nhãn hiệu MASTER, máy cũ đã qua sử dụng; 01 con dao quắm dài 40cm, cán dao dài 25cm, lưỡi dao dài 15cm, đã qua sử dụng.

Đối với 18 cục gỗ nghiến dạng thớt các bị cáo H, A bán cho người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ được số tiền 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) số tiền trên các bị cáo đã tiêu xài cá nhân không truy thu được.

Đối với bị cáo dựng xăng, bị cáo dựng dầu nhớt, bát, đĩa, nồi nấu cơm các bị cáo đã bỏ trên rừng không truy thu được.

**Nguyên đơn dân sự:** Tại phiên tòa đại diện UBND xã L đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật đối với các bị cáo, yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại phần gỗ đã bị khai thác có khối lượng 4,785m<sup>3</sup>, có trị giá là 48.807.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng*). Hiện các bị cáo chưa bồi thường được số tiền nào.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSBM ngày 06/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê truy tố các bị cáo Nông Văn H, Khấu Văn A, Nguyễn Văn C, Lý Văn Đ, Dăn Văn L về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu qua điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Nông Văn H, Khấu Văn A, Nguyễn Văn C, Lý Văn Đ, Dăn Văn L phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn Đ từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 2, Điều 4 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt Nông Văn H từ 16 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 tháng đến 36 tháng.

Xử phạt Khấu Văn A từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 tháng đến 32 tháng.

Xử phạt Nguyễn Văn C từ 18 tháng tù đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 40 tháng.

Xử phạt Dẫn Văn L từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 tháng đến 32 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 375, 468, 579, 580, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại phần gỗ đã bị khai thác hoàn toàn có khối lượng  $4,785\text{m}^3$ , có trị giá là 48.807.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng*). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 9.761.400 đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm: 01 cây gỗ nghiến nhóm IIA còn lại hiện trường  $39,426\text{m}^3$ ; 01 máy cưa xăng màu cam, ký hiệu LWa 112db, kèm lam và xích dài 80 cm, máy cũ đã qua sử dụng; 01 máy cưa xăng màu cam, nhãn hiệu MASTER, máy cũ đã qua sử dụng;

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao quắm dài 40cm, cán dao dài 25cm, lưỡi dao dài 15cm, đã qua sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12, điều 14, khoản 6 điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo Nông Văn H, Khấu Văn A, Dẫn Văn L.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn C và Lý Văn Đ chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 488.070đ, tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu là 688.070 đ.

Bị cáo Nông Văn H, Khấu Văn A, Nguyễn Văn C, Lý Văn Đ, Dẫn Văn L nhất trí với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát không bổ sung thêm gì và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Nguyên đơn dân sự nhất trí qua điểm của Kiểm sát viên về trách nhiệm dân sự yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Các bị cáo thực hiện nói lời sau cùng đề nghị xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình khó khăn xin được giảm mức án thấp nhất.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra soát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Tháng 10/2021, bị cáo Nông Văn H, Khẩu Văn A, Nguyễn Văn C, Lý Văn Đ, Dền Văn L đã có hành vi khai thác trái phép 01 khúc gỗ nghiến nhóm IIA có tổng khối lượng là 12,01m<sup>3</sup> gỗ tròn có giá trị là 122.502.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm linh hai nghìn đồng*); cây gỗ nghiến trên thuộc lô 15, khoảnh 16, tiểu khu 142B (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt) đối tượng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, do UBND xã L, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang quản lý. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến chế độ quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trong khi toàn Đảng, toàn dân và chính quyền địa phương phát động phong trào trồng cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống sói mòn sạt lở cũng như tuyên truyền bảo vệ rừng, nhưng tình hình khai thác gỗ trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra rất phức tạp. Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã có hành vi khai thác trái phép khối lượng gỗ lớn, gây thiệt hại đến tài sản nhà nước, tổn hại đến nguồn tài nguyên rừng và hệ sinh thái, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên. Do đó, cần xử lý các bị cáo nghiêm minh với mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội từng bị cáo đã gây ra.

[4] Vai trò phạm tội: Các bị cáo là đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể từng người khi phạm tội. Mục đích các bị cáo khai thác gỗ xẻ thành thớt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên các bị cáo tham gia khai thác gỗ với tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau.

[4.1] Đối với bị cáo Lý Văn Đ có vai trò trực tiếp tham gia khai thác gỗ và có nhân thân xấu, năm 2017 đã bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà

Giang xử phạt 36 tháng tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, bị cáo chấp hành án trở về địa phương mới được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Do đó HĐXX xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo được sự nghiêm minh, răn đe và giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[4.2] Đối với bị cáo Nông Văn H, bị cáo Nguyễn Văn C có vai trò là người rủ rờ, khởi xướng việc thực hiện tội phạm và tham gian khai thác tích cực nên phải chịu mức án cao hơn các bị cáo còn lại.

[4.3] Đối với bị cáo Khấu Văn A, Dẩn Văn L có vai trò là người tham gian giúp sức tham gian khai thác gỗ nên chịu mức án nhẹ hơn các bị cáo còn lại.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lý Văn Đ trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Do đó bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nông Văn H, Khấu Văn A, Nguyễn Văn C, Dẩn Văn L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Do đó các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội cũng đủ để giáo dục, răn đe và đảm bảo được mục đích của hình phạt.

Các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[6] Các bị cáo Nông Văn H; Khấu Văn A, Nguyễn Văn C, Dẩn Văn L hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. HĐXX xét thấy các bị cáo bị phạt tù nhưng được hưởng án treo nên không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 125, Điều 278 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với bị cáo Lý Văn Đ Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục ra quyết định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đ theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự

[7] Đối với người đàn ông (*không biết họ tên, địa chỉ*) thu mua 18 cục gỗ nghiền dạng thốt của bị cáo H và bị cáo A với giá 7.200.000 đồng, cơ quan

CSDT đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không có đủ cơ sở để xác định nhân thân lai L do vậy không có căn cứ để xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại phần gỗ đã bị khai thác hoàn toàn có khối lượng  $4,785\text{m}^3$ , có trị giá là 48.807.000đ (*Bốn mươi tám triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng*). Do đó, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 9.761.400 đ.

[9] Đối với số tiền 7.200.000 đ bị cáo H và A thu lời bất chính từ việc khai thác gỗ nghiêng mà có, theo quy định của pháp luật phải truy thu sung vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, xét các bị cáo thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn, lao động tự do nên không truy thu số tiền trên.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đều là lao động tự do không có thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau là phù hợp:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 cây gỗ nghiêng nhóm IIA còn lại hiện trường  $39,426\text{ m}^3$ ; 01 máy cưa xăng màu cam, ký hiệu LWA 112dB, kèm lam và xích dài 80 cm, máy cũ đã qua sử dụng; 01 máy cưa xăng màu cam, nhãn hiệu MASTER, máy cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao quắm dài 40cm, cán dao dài 25cm, lưỡi dao dài 15cm, đã qua sử dụng.

[12] Từ những căn cứ trên xét thấy mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị, đề nghị xử lý vật chứng là có căn cứ được chấp nhận.

[13] Về án phí: Các bị cáo Nông Văn H, Khẩu Văn A, Dăn Văn L là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí, HĐXX miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo theo quy định.

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Lý Văn Đ phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[14] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Nông Văn H, Khẩu Văn A, Nguyễn Văn C, Lý Văn Đ, Dăn Văn L phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.



Xử phạt bị cáo Lý Văn Đ 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lý Văn Đ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 2, Điều 4 Nghị quyết số 02/2018/NQ -HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Nguyễn Văn C 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng. Thời hạn thử thách kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt : Nông Văn H 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 tháng. Thời hạn thử thách kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt : Khấu Văn A 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng. Thời hạn thử thách kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Dẫn Văn L 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng. Thời hạn thử thách kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nông Văn H, Khấu Văn A cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Yên Phong, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; giao bị cáo Dẫn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Hủy bỏ ngay biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nông Văn H, Khấu Văn A, Nguyễn Văn C, Dẫn Văn L.

3. Về hình phạt bổ sung: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 468, 579, 580, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo bồi thường cho UBND xã L huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang tổng số tiền là 48.807.000 đ (*Bốn mươi tám triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng*). Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 9.761.400đ. (*Chín triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm đồng*)

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 cây gỗ nghiêng nhóm IIA còn lại hiện trường 39,426 m<sup>3</sup> hiện đang tạm giao cho UBND xã L, huyện Bắc Mê quản lý; 01 máy cưa xăng màu cam, nhãn hiệu LWA112dB, kèm lam và xích

dài 80 cm, máy cũ đã qua sử dụng; 01 máy cưa xăng màu cam, nhãn hiệu MASTER, máy cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao quắm dài 40cm, cán dao dài 25cm, lưỡi dao dài 15cm, đã qua sử dụng.

*(Tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/5/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê).*

6. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nông Văn H, Khấu Văn A, Dăn Văn L được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Lý Văn Đ chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 488.070 đồng, tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu là 688.070 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAD tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện Bắc Mê;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- UBND xã L, xã Y
- UBND xã Yên Phong
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký )**

**Hoàng Văn Thuận**



